

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST
Ngày 26/5/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Hải**

Ông Trần Minh Hoàng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-DS ngày 22/3/2021 về vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 22/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST – DS ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Võ Thị Ngọc H (T)**, sinh năm 1975 (*có mặt*).

Địa chỉ: Tổ 18, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh G.

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1975 (*vắng mặt*).

Anh Trần Quang T1, sinh năm 1976 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Tổ 17, ấp B, xã A, huyện H, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H trình bày:** trước đây chị có chơi hội do chị T làm chủ các dây hội như sau:

- Hội 10.000.000 đồng áp ngày 20/10/2015, hội mùa, trong dây hội này chị H tham gia 01 chân. Tổng số người chơi trong dây hội là 20 người, khi người nào hốt hội thì đưa tiền đầu thảo cho chị T là 5.000.000 đồng, chị H đã đóng hội được 14 lần thì chị T kêu bẻ hội. Số tiền chị H đã đóng trong dây hội này là 54.730.000 đồng.

- Hội 5.000.000 đồng áp ngày 30/02/2017, hội mùa, trong dây hội này chị H tham gia 01 chân. Tổng số người chơi trong dây hội là 22 người, khi người nào hốt hội thì đưa tiền đầu thảo cho chị T là 2.500.000 đồng, chị H đã đóng hội được 10 lần thì chị T kêu bẻ hội. Số tiền chị H đã đóng trong dây hội này là 45.000.000 đồng.

Ngoài ra chị T còn nợ tiền hội tháng của H số tiền là 34.360.000 đồng. Sau khi chị T kêu bẻ hội thì chị T có viết biên nhận còn nợ của chị H số tiền hội là 134.090.000 đồng. Trong thời gian chơi hội, các lần kêu hội thì đều kêu tại nhà của vợ chồng chị T anh T1, có lần chị T đi thu tiền hội, có lần anh T1 đi thu tiền hội, có lần khu hội thì có anh T1, có lần thì không có anh T1.

Nay chị H yêu cầu vợ chồng chị T anh T1 trả cho chị H số tiền hội còn thiếu là 134.090.000 đồng, yêu cầu trả đủ một lần, không yêu cầu tính lãi. Anh T1 cho rằng nợ này là nợ riêng của chị T là không đúng vì việc tôi chơi hội thì anh T1 đều biết và khi chị H đến yêu cầu trả nợ thì anh T1 đều biết.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 02/4/2021:** Chị T thống nhất với chị H về việc trước đây chị T có làm chủ hội và chị H có chơi hội của chị T là đúng. Cụ thể các dây hội chị H tham gia như sau:

- Hội 10.000.000 đồng áp ngày 20/10/2015, hội mùa, trong dây hội này chị H tham gia 01 chân. Chị H đã đóng hội được 14 lần, số tiền hội chị H đã đóng trong dây hội này là 54.730.000 đồng.

- Hụi 5.000.000 đồng áp ngày 30/02/2017, hụi mùa, trong đây hụi này chị H tham gia 01 chân. Chị H đã đóng hụi được 10 lần, số tiền hụi chị H đã đóng trong đây hụi này là 45.000.000 đồng.

Ngoài ra chị T còn nợ của chị H tiền hụi tháng là 34.360.000 đồng. Do những người chơi hụi của chị T đã hốt bỏ đi không đóng hụi cho chị T nên chị T có thông báo cho những người chơi hụi là bế hụi và không khui hụi nữa. Sau đó chị T có viết biên nhận cho chị H số tiền hụi chị T còn nợ của chị H là 134.090.000 đồng.

Khi khui hụi thì khui tại tiệm tạp hóa của chị T, các hội viên tập trung tại tiệm của chị T, ai bỏ giá cao thì người đó được hốt, người nào hốt hụi thì đưa tiền đầu thảo cho chị T, hụi 10.000.000 đồng thì tiền đầu thảo là 5.000.000 đồng, hụi 5.000.000 đồng thì tiền đầu thảo là 2.500.000 đồng. Trong gia đình thì chị T là người quản lý tiền để chi xài trong gia đình, còn anh T1 chồng của chị T thì chỉ đi làm đưa tiền về cho chị T, việc chi xài như thế nào anh T1 không biết. chị T buôn bán và làm chủ hụi để thêm tiền cho con cái đi học.

Chị T xác nhận hiện nay chị T còn nợ chị H số tiền hụi là 134.090.000 đồng và đồng ý trả nợ cho chị H, nhưng chị T xin được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình chị T gặp khó khăn không có khả năng trả nợ và số nợ này chị T tự chịu trách nhiệm trả, chồng chị T là anh Trần Quang T1 không liên quan đến.

*** Bị đơn anh Trần Quang T1 trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 02/4/2021:** trước đây khoảng năm 2016, 2017 vợ anh là chị Nguyễn Thị Thu T có làm chủ hụi, anh T1 có biết chị H có chơi hụi của chị T, cũng có lúc chị T nhờ đi lấy tiền hụi thì anh T1 cũng đi lấy, còn cách thức chơi hụi như thế nào và hiện nay chị T còn nợ tiền hụi của chị H như thế nào anh T1 không biết, chị H yêu cầu anh T1 cùng có trách nhiệm trả nợ thì anh T1 không đồng ý, việc chơi hụi này anh T1 không liên quan. Anh T1 đi làm có bao nhiêu tiền thì gửi về cho chị T trả nợ vì chị T là người quản lý tiền trong gia đình, anh T1 không đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Quang T1 với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh T1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với chị Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Võ Thị Ngọc H và chị Nguyễn Thị Thu T, anh Trần Quang T1 là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu chị T anh T1 trả cho chị H số tiền hội còn thiếu là 134.090.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy trước đây chị H có tham gia chơi hội do chị T làm chủ, trong quá trình chơi hội đến tháng 11 năm 2019 thì chị T ngưng không kêu tất cả các dây hội và giữa chị T và chị H có tính toán thống nhất chị T còn nợ chị H tổng cộng số tiền là 134.090.000 đồng, chị T có viết giấy nhận nợ cho chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác nhận hiện nay còn nợ chị H số tiền hội là 134.090.000 đồng và thừa nhận chữ viết trong giấy nhận nợ nói trên là của chị T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[4] Xét lời khai của anh T1 cho rằng anh có biết việc chị H chơi hội và chị T làm chủ hội, các lần khai hội có đến nhà anh để khai hội, có lúc chị T nhờ đi lấy tiền hội thì anh có đi thu tiền, còn cách thức chơi hội và hiện nay chị T còn nợ tiền hội của chị H như thế nào thì anh không biết, chị H yêu cầu anh cùng có trách nhiệm trả nợ thì anh không đồng ý, anh đi làm được bao nhiêu tiền thì gửi về cho chị T trả nợ, việc chơi hội này anh không liên quan.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của luật này*”.

Khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chơi hụi giữa chị H và chị T thì anh T1 đều biết và tại biên bản hòa giải ngày 02/4/2021 chị T và anh T đều cho rằng trong gia đình thì chị T là người quản lý tiền, anh T1 đi làm đưa tiền về cho chị T chi xài trong gia đình và chị T cho rằng chị T buôn bán, làm chủ hụi có thêm tiền lo cho con cái đi học và chi xài trong gia đình. Như vậy, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh T1 và chị T và chị T làm chủ hụi để có thêm thu nhập nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên việc anh T1 cho rằng không đồng ý cùng có trách nhiệm với chị T trả nợ cho chị H là không có căn cứ.

[5] Xét lời trình bày của chị T cho rằng hiện nay hoàn cảnh kinh tế chị T đang gặp khó khăn, chị T xin trả dần cho chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc chị T xin trả dần số tiền trên không được chị H đồng ý, nên yêu cầu của chị T không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng chị T anh T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền hụi là 134.090.000 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Các đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 134.090.000 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*)

Án phí tính như sau: 134.090.000 đồng x 5% = 6.704.500 đồng (*Sáu triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng*).

- Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho chị Võ Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí là 3.352.000 đồng (*Ba*

triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) đã nộp theo lai thu số 0008259 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị T anh T1 phải nộp 6.704.500 đồng (*Sáu triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 351, 471 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 về hui, họ, biêu, phường.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc H

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Quang T1 trả cho chị Võ Thị Ngọc H tổng cộng số tiền là 134.090.000 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Trả lại cho chị Võ Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí là 3.352.000 đồng (*Ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0008259 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Quang T phải nộp 6.704.500 đồng (*Sáu triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Quang T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THA huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái